

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
Giữa chị Ng và anh Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vinh Quang

Ông Nguyễn Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mừng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ng; sinh năm 1991; cư trú tại: xóm 15, xã Gi, huyện Gi, tỉnh Nam Định. “có mặt”.

Bị đơn: Anh Phan Văn Đ; sinh năm 1984; cư trú tại: xóm 13, xã Gi, huyện Gi, tỉnh Nam Định “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25-6-2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Trần Thị Ng nguyên đơn trong vụ án trình bày: Chị và anh Phan Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã Gi, huyện Gi cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 12 năm 2009. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì chị phát hiện ra anh Đ nghiện ma túy, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đ không từ bỏ được, nên bốn mẹ con chị đã về nhà ngoại ở nhờ từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương và không thể chung sống với nhau được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phan Thị Hà V sinh ngày 15 tháng 9 năm 2010; Phan Ngọc T sinh ngày 11 tháng 4 năm 2013 và Phan Trung K sinh ngày 20 tháng 12 năm 2014. Nguyên vọng của chị là được nuôi cả ba con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Từ khi vợ chồng sống ly thân 3 con chung ở với chị, một mình chị vẫn chăm lo cho các cháu ổn định cuộc sống. Còn nếu anh Đ nhận nuôi cháu Phan Ngọc T thì chị cũng nhất trí.

Về tài sản riêng, tài sản chung và các mối quan hệ khác về tài sản, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn là anh Phan Văn Đ trình bày: Anh và chị Trần Thị Ng tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Gi, huyện Gi cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 12 năm 2009. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Ng đi làm công nhân ở Công ty giấy da tại huyện H đã không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì theo đạo công giáo lên anh không nhất trí ly hôn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phan Thị Hà V, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2010; Phan Ngọc T, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2013 và Phan Trung K sinh ngày 20 tháng 12 năm 2014. Các con chung có nguyện vọng ở với ai thì anh hoàn toàn nhất trí, còn nguyện vọng của anh là được nuôi cháu Phan Ngọc T và không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung và các mối quan hệ khác về tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 7 năm 2020 cháu Phan Thị Hà V và cháu Phan Ngọc T đều có nguyện vọng ở với mẹ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyệt.

Về con chung: Giao chị Ng trực tiếp tiếp tục nuôi cả 3 con chung của vợ chồng đến tuổi trưởng thành, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn chị Trần Thị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Phan Văn Đ; Địa chỉ nơi cư trú: Xóm 13, xã Gi, huyện Gi, tỉnh Nam Định; Căn cứ vào Điều 35 và

Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy. Anh Phan Văn Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ng và anh Phan Văn Đ tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Gi, huyện Gi cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 12 năm 2009 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh Đ nghiện ma túy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Ng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Còn anh Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì theo đạo Thiên chúa giáo không cho phép ly hôn, nên anh không nhất trí ly hôn.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh Đ không thể tồn tại được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị Ng là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phan Thị Hà V, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2010; Phan Ngọc T, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2013 và Phan Trung K, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2014, hiện tại con chung đang ở với chị Ng. Chị Ng có nguyện vọng nuôi cả ba con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; anh Đ có ý kiến nhất trí với sự lựa chọn của các cháu, nguyện vọng của anh nuôi cháu Phan Ngọc T không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu V, cháu T đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét điều kiện thực tế của chị Ng và anh Đ: Hiện tại anh Đ mới đi làm ăn xa nhà, không có mặt tại địa phương, còn chị Ng đang trực tiếp nuôi cả 3 con chung từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay vẫn đảm đương duy trì ổn định cuộc sống và học hành cho cả 3 cháu ổn định. Vì vậy nay Hội đồng xét xử sẽ giao cả 3 con chung cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Ng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, các mối quan hệ khác về tài sản: chị Ng, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa: Chị Trần Thị Ng và anh Phan Văn Đ.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị Ng tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Phan Thị Hà V, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2010; Phan Trung K, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2014 và Phan Ngọc T, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2013, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh Phan Văn Đ không phải góp cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị Ng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị Ng phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Nguyệt đã nộp theo biên lai thu số 0000002 ngày 02-7-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phan Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao Thịnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ